**CÔNG TY TNHH** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TƯ VẤN THUẾ C&A**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Số: ----------------------------------**

*V/v: Tham gia dự thảo Thông tư*

*hướng dẫn Luật QLT*

*Hà Nội, ngày 19 thang 3 năm 2021.*

**Kính gửi: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Công ty TNHH Tư vấn thuế C&A ( C&A) nhận được đề nghị từ Quý phòng về việc tham gia ý kiến về bản dự thảo Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ- CP . C&A xin có một số ý kiến như sau:

**I/ Bổ sung/làm rõ một số nội dung chưa được quy định cụ thể tại Luật QLT và NĐ 126/2020/NĐ-CP**

**1/ Về nộp hồ sơ khai thuế**

Tại khoản 1 Điều 44 Luật quản lý thuế quy định:

*“1. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai theo tháng, theo quý được quy định như sau:*

*a) Chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo tháng;*

*b) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo quý”.*

***Ý kiến***

Theo quy định trên, có thể hiểu: Đối với Người nộp thuế khai thuế theo tháng, quý chỉ phải nộp Hồ sơ khai thuế cho các tháng, quý có phát sinh nghĩa vụ thuế. Theo đó, các tháng, quý không phát sinh nghĩa vụ thuế thì không phải nộp hồ sơ khai thuế.

Theo chúng tôi, để NNT hiểu đúng quy định này thì Thông tư nên quy định cụ thể theo hướng: NNT kinh doanh thường xuyên nộp Hồ sơ khai thuế theo tháng, quý theo thời hạn quy định tại Điều 44 Luật QLT kể cả trường hợp các tháng, quý không phát sinh nghĩa vụ thuế.

Việc quy định này giúp CQT quản lý, cập nhật được tình hình SXKD và kê khai thuế của NNT. Ngoài ra, nếu không quy định thì các tháng/quý NNT không nộp Tờ khai CQT không phân được được rõ tháng/quý đó NNT không phát sinh nghĩa vụ thuế hay chưa nộp, chậm nộp.

**2/ Kê khai, nộp thuế đối với với Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) chia lợi nhuận sau thuế.**

Tại điểm đ, khoản 2, Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP quy định:

*“đ) Người nộp thuế được giao quản lý hợp đồng hợp tác kinh doanh với tổ chức nhưng không thành lập pháp nhân riêng thì thực hiện khai thuế riêng đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh”*

***Ý kiến***

Nghị định quy định như vậy, nhưng trong Dự thảo Thông tư chưa thấy có hướng dẫn việc kê khai thuế, nộp thuế đối với Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), Ví dụ:

Trường hợp Doanh nghiệp có ký BCC với 1 hoặc một số DN khác, tại Hợp đồng có quy định: 1 DN (DNA) đứng ra xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí, và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các DN tham gia BCC. Theo quy định này có thể hiểu là DNA có trách nhiệm kê khai nộp thuế GTGT, thuế TNDN; lợi nhuận sau thuế được chia cho các DN tham gia BCC theo tỷ lệ quy định tại Hợp đồng. Tuy nhiên DNA có thể có nhiều BCC, hoạt động kinh doanh ở nhiều lĩnh vực, nhiều địa bàn (trong tỉnh, ngoài tỉnh). Vì vậy theo chúng tôi, Thông tư cần có hướng dẫn quy định cụ thể việc kê khai, nộp thuế này về các nội dung:

- Mẫu biểu kê khai: Nên có mẫu biểu riêng, mỗi BCC phải lập một Tờ khai riêng, trong đó có thông tin về BCC, ngành nghề lĩnh vực hoạt động kinh doanh, địa chỉ thực hiện.

- Nơi nộp hồ sơ khai thuế;

- Thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN (có được theo thỏa thuận tại Hợp đồng nếu thỏa thuận tại thời điểm khác), đặc biệt trong trường hợp Hợp đồng kết thúc giữa năm tài chính.

- Số thuế đã nộp được ghi nhận cho DN đứng ra nộp hay kê khai nộp thay cho các DN khác (mỗi DN tham gia BCC một tờ khai ghi tên, MST của DN đó).

Ngoài ra còn liên quan đến việc đăng ký, sử dụng MST, VD: DNA ở tỉnh X ký BCC với DNB ở tỉnh Y, theo đó DNB góp bằng nhà xưởng máy móc thiết bị, DNA tổ chức SXKD xuất hóa đơn cho khách hàng, ghi nhận doanh thu, chi phí và chia lợi nhuận sau thuế. Vậy DNA có phải đăng ký với tỉnh Y để được cấp MST phụ thuộc riêng cho bộ phận quản lý sản xuất tại tỉnh Y hay không? Có thể sử dụng MST của DNA tại tỉnh X hay không?....

**II/ Về kê khai thuế GTGT**

***1/ - Về phân bổ thuế GTGT cho các địa phương tại Điều 17 Dự thảo Thông tư:***

- Tại điểm b, khoản 1, Điều 17 quy định:

*“b) Phân bổ nghĩa vụ thuế*

*Số thuế GTGT phải nộp tại các tỉnh nơi có đơn vị phụ thuộc bằng (=) số thuế GTGT phải nộp của người nộp thuế trên tờ khai thuế nhân (x) với tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT của các đơn vị phụ thuộc tại tỉnh nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước trên tổng doanh thu chịu thuế GTGT.*

*Doanh thu chịu thuế GTGT phát sinh tại tỉnh nơi có trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc không bao gồm doanh thu nội bộ phát sinh giữa trụ sở chính với các đơn vị phụ thuộc và doanh thu nội bộ phát sinh giữa các đơn vị phụ thuộc với nhau.*

*Trường hợp người nộp thuế thực hiện tổ chức sản xuất và tiêu thụ khép kín thì doanh thu là giá điều chuyển nội bộ được ghi trên phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ”.*

- Tại khoản 4, Điều 17 quy định:

*4. Doanh thu dùng để xác định tỷ lệ phân bổ theo quy định tại Khoản 1 và điểm a, b Khoản 2 Điều này là doanh thu thực tế phát sinh của năm trước liền kề. Trường hợp không có doanh thu của năm trước liền kề thì người nộp thuế tự xác định và thực hiện ổn định cho cả năm. Cuối năm, căn cứ doanh thu thực tế phát sinh của cả năm, người nộp thuế xác định lại tỷ lệ phân bổ, số thuế GTGT phải nộp của từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu và lập bảng kê phân bổ số thuế phải nộp của cả năm gửi kèm theo tờ khai thuế GTGT của tháng 12 hoặc quý 4.*

Theo quy định việc phân bổ thuế phải nộp cho các địa phương theo tiêu thức doanh thu của năm trước. Việc phân bổ theo quy định trên đơn giản dễ thực hiện nhưng mức độ chính xác không cao, vì:

**Ý kiến:**

**1.1/ Phân bổ theo doanh thu**

1.1.1/ Phân bổ theo doanh thu chung cho mọi hoạt động

- Hiện tại, hầu hết các DN đều kinh doanh đa ngành nghề: Sản xuất, thương mại, dịch vụ và các ngành nghề này có tỷ lệ GTGT khác nhau.

Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được quy định theo từng hoạt động như sau (Điều 13, TT219 về Thuế GTGT):

*+ Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%;*

*+ Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;*

*+ Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;*

*+ Hoạt động kinh doanh khác: 2%.*

Như vậy nếu tính theo doanh thu thì hoạt động cung ứng Dịch vụ nộp thuế GTGT gấp 5 lần đối với hoạt động thương mại. Vì vậy việc phân bổ tính chung theo doanh thu của tất cả các ngành nghề khác nhau thì số liệu phân bổ có sự sai lệch khá nhiều so với kê khai tùy theo cơ cấu doanh thu các ngành nghề.

*1.1.3/ Tạm phân bổ theo doanh thu năm trước*

- Trong một DN kinh doanh đa ngành nghề thì tỷ lệ doanh thu của từng đơn vị phụ thuộc năm sau so với năm trước cũng có thể có sự chênh lệch khá lớn. Nếu trong năm tạm phân bổ theo doanh thu năm trước của các đơn vị phụ thuộc thì đến cuối năm phân bổ lại sẽ xảy ra tình trạng có đơn vị phụ thuộc nộp thừa nhiều (phải bù trừ năm sau), có đơn vị nộp thiếu nhiều (phải nộp bổ sung ngay) ảnh hưởng đến tài chính DN.

**Phương án đề xuất**:

- Vì vậy để đảm bảo việc phân bổ số phải nộp cho các địa phương sát với thực tế hoạt động và không xảy ra tình trạng: đơn vị nộp thừa nhiều, đơn vị nộp thiếu nhiều thì nên quy định: Doanh thu làm căn cứ phân bổ được xác định theo hệ số của từng hoạt động: (chia thành 3 nhóm như trên – trong đó gộp khác vào nhóm 3%) của kỳ tính thuế đó mà không lấy theo doanh thu của năm trước vì các DN hạch toán tập trung đều sử dụng phần mềm kế toán nên có thể xác định được khá dễ dàng.

- Theo đó, mẫu biểu kê khai cẩn sửa đổi bổ sung thêm các tiêu thức liên quan.

- Trường hợp trong kỳ Trụ sở chính có kê khai bổ sung điều chỉnh thì số kê khai bổ sung điều chỉnh sẽ được tổng hợp bổ sung vào số liệu của kỳ kê khai tiếp theo làm căn cứ phân bổ.

**Ưu nhược điểm**

Ưu điểm: Phân bổ gần sát hơn so với thực tế;

Nhược điểm: Mẫu biểu phải thêm các chỉ tiêu; việc kê khai tốn thời gian hơn.

**1.2/ Doanh nghiệp thực hiện tổ chức sản xuất và tiêu thụ khép kín:**

Với quy định: *“Trường hợp người nộp thuế thực hiện tổ chức sản xuất và tiêu thụ khép kín thì doanh thu là giá điều chuyển nội bộ được ghi trên phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ”*

***Ý kiến***

Do văn bản pháp quy không có quy định cụ thể khái niệm: *“tổ chức sản xuất và tiêu thụ khép kín*” – khép kín toàn bộ hay không toàn bộ - nên cần có hướng dẫn cụ thể hơn tiêu thức xác định.

VD: Thông thường đối với DNSX, sản phẩm được tiêu thụ như sau:

- Tại Nhà máy SX: Sản phẩm được bán trực tiếp cho Nhà phân phối và các đại lý; Ngoài ra có các cửa hàng bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

+/ Sản phẩm được vận chuyển (Phiếu XK kiêm vận chuyển nội bộ) đến các Chi nhánh (kê khai thuế riêng) đơn vị phụ thuộc, kho hàng (kê khai tập trung tại trụ sở chính) tại các tỉnh thành phố khác,

- Tại các Chi nhánh, các đơn vị phụ thuộc: sản phẩm tiếp tục được bán như tại Nhà máy: Bán cho Nhà phân phối, đại lý và người tiêu dùng.

Trong trường hợp này DN có được xác định là *“tổ chức sản xuất và tiêu thụ khép kín”* hay không?

Theo quy định trên thì: Nếu được xác định là “tổ chức sản xuất và tiêu thụ khép kín” thì doanh thu phân bổ bao gồm cả giá trị hàng hóa trên phiếu xuất kho nội bộ, còn nếu không được thì không tính gía trị hàng hóa trên phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.

Trong thực tế nhiều doanh nghiệp sản xuất mà sản phẩm của đơn vị này là đầu vào của đơn vị kia, việc sản xuất khép kín không hoàn toàn, do đó việc quy định như trên rất khó cho Người nộp thuế và việc phân bổ có độ chính xác không cao.

**Phương án đề xuất:**

Để đảm bảo việc xác định thuế GTGT phân bổ cho các địa phương sát thực tế, đề nghị sửa đổi:Doanh thu làm căn cứ phân bổ bao gồm cả doanh thu luân chuyển nội bộ (không phân biệt có hay không có tổ chức sản xuất và tiêu thụ khép kín).

Trong Bảng kê phân bổ cần tách chỉ tiêu: Doanh thu luân chuyển nội bộ để quản lý, theo dõi.

**2/ Kê khai thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản khác tỉnh**

Điểm c1, khoản 2, Điều 17 quy định:

*“c.1) Người nộp thuế thuộc đối tượng nộp thuế GTGT có chuyển nhượng bất động sản tại tỉnh khác với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính thì người nộp thuế thực hiện khai, nộp thuế GTGT với cơ quan thuế tại tỉnh nơi có bất động sản chuyển nhượng theo tỷ lệ 1% trên doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 05/GTGT ban hành kèm theo phụ lục I Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Điều 15 Thông tư này”.*

***Ý kiến***

Đối với chuyển nhượng BĐS doanh thu bao gồm doanh thu chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT (quyền sử dụng đất). Quy định như trên **sẽ được hiểu là** doanh thu tạm tính nộp thuế GTGT 1% bao gồm cả doanh thu chuyển quyền sử dụng đất – đối tượng không chịu thuế GTGT là không phù hợp. Vì vậy cần **quy định rõ** là % trên doanh thu chịu thuế GTGT chưa bao gồm thuế GTGT.

Mức tỷ lệ tạm nộp nên theo phương án 2% sẽ sát với thực tế hơn (hoạt động xây dựng có bao thầu NVL tính trên doanh thu đang áp dụng là 3%).

**3/ Thủ tục hoàn thuế:**

Khoản 2, điều 32 về các tài liệu có liên quan theo trường hợp hoàn thuế

*“a) Trường hợp hoàn thuế dự án đầu tư:*

*- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư đối với trường hợp phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;*

*- Đối với dự án có công trình xây dựng: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc hợp đồng cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền; giấy phép xây dựng;*

*- Bản sao Chứng từ góp vốn điều lệ;*

*- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào mẫu 01-1/HT ban hành kèm theo Thông tư này trừ trường hợp người nộp thuế đã gửi hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế;*

*- Văn bản ủy quyền của chủ dự án đầu tư đối với trường hợp chủ dự án đầu tư không thực hiện thủ tục hoàn thuế theo quy định của pháp luật.*

*b) Trường hợp hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu:*

*- Bản sao Hợp đồng xuất khẩu. Trường hợp người nộp thuế ủy thác xuất khẩu thì nộp Bản sao Hợp đồng ủy thác xuất khẩu và hợp đồng xuất khẩu;*

*- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào mẫu 01-1/HT ban hành kèm theo Thông tư này trừ trường hợp người nộp thuế đã gửi hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế;*

*- Danh sách tờ khai hải quan theo mẫu 01-2/HT ban hành kèm theo Thông tư này đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu đã thông quan theo quy định về pháp luật hải quan.”*

**Ý kiến**

-Hiện nay Cơ quan thuế vẫn đang yêu cầu doanh nghiệp phải cam kết đã góp đủ **vốn đầu tư**, đối với một số dự án thời gian hoạt động đã lâu thì số lượng chứng từ góp vốn đầu tư là rất lớn nên việc tìm kiếm để cung cấp gây khó khăn cho doanh nghiệp và không đúng quy định.

-Hồ sơ hoàn thuế đối hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu yêu cầu cung cấp bản sao hợp đồng xuất khẩu thì số lượng hồ sơ cần cung cấp có thể phát sinh rất lớn, phát sinh thêm thủ tục cho doanh nghiệp, mặt khác trong trường hợp hồ sơ thuộc đối tượng hoàn thuế trước kiểm tra sau, cơ quan thuế chỉ có thời gian 6 ngày để giải quyết thì cũng không đủ thời gian để kiểm tra hết các hồ sơ này. Theo chúng tôi thì Cơ quan Thuế có thể kiểm tra hợp đồng xuất khẩu khi thanh kiểm tra hồ sơ hoàn thuế tại doanh nghiệp.

**4/ Biểu mẫu:**

-Về bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào mẫu 01-1/HT: một số chỉ tiêu trên bảng kê như mẫu số, ký hiệu hóa đơn, mặt hàng, thuế suất đã được bãi bỏ để giảm thủ tục hành chính cho NNT, nay dự thảo lại bổ sung các chỉ tiêu này trên bảng kê sẽ làm tăng thủ tục hành chính cho NNT. Đề nghị gữi như hiện nay.

- Mẫu 01-6/GTGT: Xem xét sửa đổi bổ sung tiêu thức doanh thu làm căn cứ phân bổ như mục 1,2 trên

- Mẫu 05/GTGT:

+/ Chỉ tiêu 21 nên ghi rõ là: Doanh thu chịu thuế GTGT của Công trình xây dựng/chuyển nhượng BĐS.

+/ Chỉ tiêu 25,26: Tỷ lệ GTGT tạm nộp nên quy định 2% (tỷ lệ quy định tại Điều 13 Thông tư 219 đối với hoạt động xây dựng là 3%, nên tạm nộp 2% tại địa phương là phù hợp).

**III/ Kê khai thuế TNDN**

**1/ Phân bổ thuế TNDN**

Tại tiết b, điểm 1.2, khoản 1, Điều 21 Kê khai thuế TNDN quy định:

*“b) Phân bổ nghĩa vụ thuế*

*Số thuế TNDN phải nộp tại từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất bằng (=) số thuế TNDN phải nộp trên tờ khai thuế nhân (x) với tỷ lệ (%) giữa chi phí phát sinh tại từng cơ sở sản xuất với tổng chi phí.*

*Chi phí để xác định tỷ lệ phân bổ là chi phí thực tế phát sinh của kỳ tính thuế (không bao gồm chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc của người nộp thuế và chi phí của cơ sở sản xuất được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật)”.*

***Ý kiến***

Việc quy định chi phí làm căn cứ phân bổ không bao gồm *“giao dịch nội bộ giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc của người nộp thuế”* theo quy định trên sẽ dẫn đến số thuế phân bổ cho các địa phương sai lệch nhiều so kê khai thực tế (nếu thực hiện).

VD: Nhà máy SX thức ăn gia súc mua nguyên liệu ngoài để SX thức ăn và xuất cho trại chăn nuôi (Giao dịch nội bộ -GDNB), cơ sở SX con giống mua nguyên liệu ngoài để cung cấp cho trại chăn nuôi này GDNB). Nếu không tính GDNB thì trại chăn nuôi không được tính chi phí con giống, thức ăn còn Nhà máy SX thức ăn và sở SX con giống được tính đầy đủ chi phí là không phù hợp với thực tế.

Vì vậy quy định trên nên sửa là: *“ Chi phí để xác định tỷ lệ phân bổ là chi phí thực tế phát sinh của kỳ tính thuế ~~(không~~ bao gồm cả các chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc của người nộp thuế, nhưng không bao gồm ~~và~~ chi phí của cơ sở sản xuất được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật)”.*

**2/ Biểu mẫu kê khai thuế TNDN**

***2.1- Mẫu 03/TNDN***

Tại Mục E\_ Xác định số thuế TNDN phải nộp

Trong đó, chỉ tiều E4: *“Trong đó thuế TNDN từ* ***hoàn nhập*** *quỹ khoa học công nghệ”*

***Ý kiến:***

Trong thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC không có khái niệm *“hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ”.* Việc thu hồithuế TNDN chỉ được quy định trong 2 trường hợp:

+/ Không sử hết 70% trong thời hạn 5 năm: Thuế thu hồi theo thuế suất tại thời điểm trích lập (+) lãi 2 năm theo lãi suất trái phiếu/tín phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm tại thời điểm thu hồi.

+/ Sử dụng quỹ không đúng mục đích: Thuế thu hồi (truy thu) theo thuế suất tại thời điểm trích lập (+) tiền chậm nộp theo quy định.

Vì vậy, cần sửa lại từ ngữ của chỉ tiêu E4 phù hợp với quy định hiện hành.

***2.2/ Mẫu 03-3A***

**2. Mức độ ưu đãi thuế:**

2.1- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi:.......%

2.2- Thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi...... năm, kể từ năm.......

2.3- Thời gian miễn thuế ........ năm, kể từ năm........

2.4- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp: .........năm, kể từ năm.......

***2.3/ Mẫu 03-3B/TNDN***

**2. Mức độ ưu đãi thuế:**

 Ưu đãi theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại

2.1- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) ưu đãi:.......%

2.2- Thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi:...... năm, kể từ năm......

2.3- Thời gian miễn thuế: ........ năm, kể từ năm........

2.4- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp: ........ năm, kể từ năm ......

 Ưu đãi đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng

2.5- Thời gian miễn thuế: ........ năm, kể từ năm........

2.6- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp: ........ năm, kể từ năm ......

***Ý kiến:***

Có nhiều DN trong cùng một thời gian có nhiều dự án đầu tư mới hoặc nhiều dự án đầu tư mở rộng đang cùng được hưởng ưu đãi thuế, vì vậy cần ghi thông tin riêng cho từng dự án để quản lý theo dõi.

***2.4 Mẫu 03-6/TNDN***

*“Mục III: Xử lý Quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích”*

***Ý kiến***

Nội dung cột 9 là : “Số tiền không sử dụng hết > 30% số quỹ đã trích lập phải tính thuế TNDN”

Nội dung của mẫu không bao gồm phần *“Quỹ sử dụng không đúng mục đích”.* Vì vậy nên thêm cột chỉ tiêu:

- Giá trị “Quỹ sử dụng không đúng mục đích”,

- Lãi suất kỳ phiếu, tín phiếu Kho bạc 1 năm làm căn cứ tính tiền lãi đối Số tiền không sử dụng hết > 30% số quỹ

- Tỷ lệ tính tiền chậm nộp đối với phần Quỹ sử dụng không đúng mục đích.

Cũng có thể tách làm 2 biểu tính riêng số thuế TNDN thu hồi và tiền lãi đối với Số tiền không sử dụng hết > 30% số quỹ đã trích lập phải tính thuế TNDN và phần giá trị Quỹ sử dụng không đúng mục đích.

***2.5/ Mẫu 03-8/TNDN***

Tính, nộp thuế cho hoạt động SXKD khác tỉnh.

Phần “Xác định theo phân bổ”, Cột 13 “Tiêu chí xác định số thuế phân bổ”, cột 14 “Tỷ lệphân bổ (%)”

***Ý kiến***

Như nội dung đã tham gia vào Điều 21: Do quy định chỉ phân bổ theo tiêu thức chi phí do đó cột 13 nên ghi rõ: “Tổng chi phí làm căn căn cứ phân bổ”; Bổ sung 1 cột (14b): “Trong đó, chi phí giao dịch nội bộ”.

Trên đây là ý kiến của C&A tham gia dự thảo Thông tư hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế, đề nghị VCCI nghiên cứu, Tổng hợp.